

DANH MỤC CHI TIẾT VÀ GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 1604 / QĐ-VNPT-GL-HĐTL ngày 03/09/2025)

ST T	Tên, chủng loại cáp	Số cáp thu được (Km)	Số cáp thu được (Met)	KL đồng thu được (Kg/m)	KL đồng có thể thu được (Kg)
1	Cáp đồng loại 10x2x0,5	1,011	1.011	0,0352	35,59
2	Cáp đồng loại 20x2x0,5	15,965	15.965	0,0703	1122,34
3	Cáp đồng loại 30x2x0,5	8,103	8.103	0,1055	854,87
4	Cáp đồng loại 50x2x0,5	26,311	26.311	0,1758	4625,47
5	Cáp đồng loại 100x2x0,4	9,735	9.735	0,225	2190,38
6	Cáp đồng loại 100x2x0,5	17,333	17.333	0,3516	6094,28
7	Cáp đồng loại 200x2x0,4	20,595	20.595	0,45	9267,75
8	Cáp đồng loại 200x2x0,5	1,200	1.200	0,7032	843,84
9	Cáp đồng loại 300x2x0,4	5,515	5.515	0,675	3722,63
10	Cáp đồng loại 400x2x0,4	21,925	21.925	0,9	19732,5
11	Cáp đồng loại 600x2x0,4	3,209	3.209	1,35	4332,15
12	Cáp chống cháy 100x2x0,3 CC	0,075	75	0,038	2,85
13	Cáp chống cháy 200x2x0,3 CC	0,050	50	0,076	3,8
14	Cáp chống cháy 400x2x0,3 CC	0,025	25	0,1519	3,8
	Cộng	131,052	131.052,00		52.832
	Tổng mức giá khởi điểm đã bao gồm thuế VAT (10%) là: 12.944.000.000 đồng				
	Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn.				

